

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền hình ảnh số
không dây dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz”***Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,**Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền hình ảnh số không dây dải tần từ 1,3GHz đến 50GHz.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền hình ảnh số không dây dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz (QCVN 92:2015/BTTTT).**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.**BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Bắc Sơn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 92:2015/BTTTT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH ẢNH SỐ KHÔNG DÂY
DẢI TẦN TỪ 1,3 GHz ĐẾN 50 GHz**

***National technical regulation
on wireless digital video link equipment
in the 1,3 GHz to 50 GHz frequency range***

HÀ NỘI - 2015

Mục lục

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Tài liệu viện dẫn

1.4. Giải thích từ ngữ

1.5. Ký hiệu

1.6. Chữ viết tắt

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Các yêu cầu chung

2.1.1. Điều kiện môi trường

2.1.2. Ảnh ten giả

2.1.3. Hộp ghép đo

2.1.4. Vị trí đo và bố trí đo cho các phép đo bức xạ

2.1.5. Bố trí các tín hiệu đo tại đầu vào máy phát

2.2. Các điều kiện đo kiểm

2.2.1. Các điều kiện đo kiểm

2.2.2. Nguồn điện đo kiểm

2.2.3. Các điều kiện đo kiểm bình thường

2.2.4. Các điều kiện đo kiểm tới hạn

2.3. Quy định kỹ thuật và phương pháp đo đối với máy phát

2.3.1. Công suất đầu ra

2.3.2. Bảng thông kênh

2.3.3. Phát xạ giả

2.4. Quy định kỹ thuật và phương pháp đo đối với máy thu

2.4.1. Phát xạ giả

2.5. Giải thích các kết quả đo

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

PHỤ LỤC A (Quy định) Đo trường bức xạ

PHỤ LỤC B (Quy định) Mô tả tổng quan về phương pháp đo

THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lời nói đầu

QCVN 92:2015/BTTTT được xây dựng trên cơ sở ETSI EN 302 064-2 V1.1.1 (2004-04) của Viện Tiêu chuẩn Viễn thông châu Âu (ETSI).

QCVN 92:2015/BTTTT do Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ thẩm định và trình duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2015.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH ẢNH SỐ KHÔNG DÂY
DẢI TẦN TỪ 1,3 GHZ ĐẾN 50 GHZ
National technical regulation
on wireless digital video link equipment
in the 1,3 GHz to 50 GHz frequency range

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này áp dụng cho thiết bị truyền hình ảnh số không dây hoạt động trong dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz.

Quy chuẩn này áp dụng cho chủng loại thiết bị có băng thông kênh cho phép tối đa là 5 MHz, 10 MHz, 20 MHz.

Tần số hoạt động của thiết bị truyền hình ảnh số không dây phải tuân thủ các quy định về quản lý tần số quốc gia.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

ETSI TR 100 027 (V1.2.1): "Electromagnetic compatibility and Radio spectrum Matters (ERM); Methods of measurement for private mobile radio equipment".

ETSI TR 100 028 (V1.4.1) (all parts): "Electromagnetic compatibility and Radio spectrum Matters (ERM); Uncertainties in the measurement of mobile radio equipment characteristics".

ANSI C63.5: "American National Standard for Calibration of Antennas Used for Radiated Emission Measurements in Electromagnetic Interference (EMI) Control Calibration of Antennas (9 kHz to 40 GHz)".

ETSI TR 102 273 (all parts): "Electromagnetic compatibility and Radio spectrum Matters (ERM); Improvement on Radiated Methods of Measurement (using test site) and evaluation of the corresponding measurement uncertainties".

CISPR 16-1: "Specification for radio disturbance and immunity measuring apparatus and methods; Part 1: Radio disturbance and immunity measuring apparatus".

IEC 60489-3: "Methods of measurement for radio equipment used in the mobile services. Part 3: Receivers for A3E or F3E emissions".

IEC 60489-1: "Methods of measurement for radio equipment used in the mobile services. Part 1: General definitions and standard conditions of measurement".